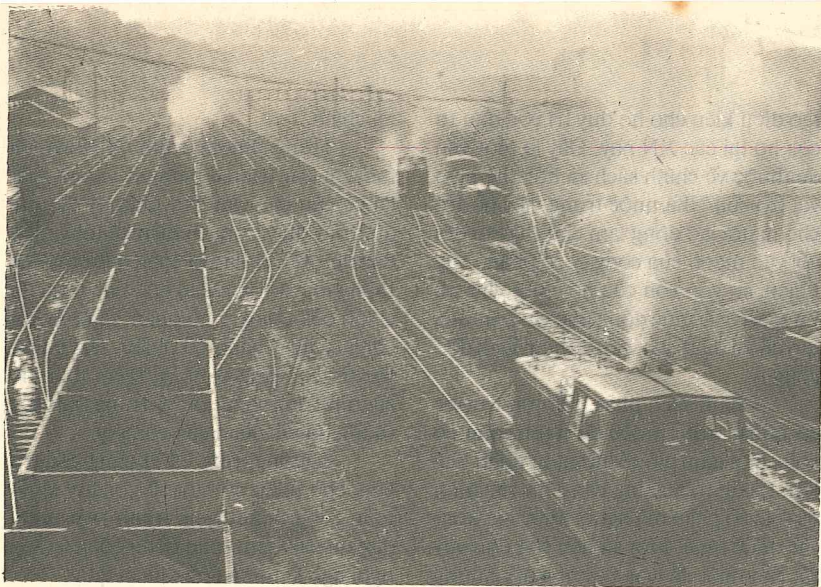




Vận chuyển than xuất khẩu ở Quảng Ninh

TÍCH LŨY VỐN BẰNG XUẤT KHẨU KHOÁNG SẢN SƠ CHẾ

LÊ VINH DANH
Đại học Tổng hợp TP.HCM

Quá trình phát triển nền kinh tế ở hầu hết các quốc gia trên thế giới đều diễn qua ba giai đoạn : (1) Tích lũy ngoại tệ bằng xuất khẩu nông sản và nguyên liệu thô, nhằm tự trang bị công nghệ và thiết bị hiện đại cho nền sản xuất, (2) Sản xuất thay thế hàng ngoại nhập và (3) Sản xuất hướng về xuất khẩu.

Hoa Kỳ, Canada, Úc, Tây Đức, Philippines, Malaysia, Nam Triều Tiên... đều đã đi con đường này. Trong thế kỷ 19, Mỹ và Canada là hai nước có rất nhiều đất đai, đồng thời lại có lao động dồi dào, bằng cách đẩy mạnh xuất khẩu bông, lúa mì, khoáng sản thô, và nhập khẩu hàng hóa, công nghệ phẩm mà hai nước này không sản xuất hiệu quả bằng Anh quốc. Họ đã công nghiệp hóa được đất nước. Malaysia sau khi giành độc lập vào năm 1957, nền kinh tế gần như độc canh, chỉ có cao su và thiếc là hai mặt hàng xuất khẩu chính. Chính phủ nước này chuyển sang đầu tư trồng cọ dầu và xuất khẩu hàng sơ khai: gỗ xẻ, dầu thô, khoáng sản... Kết quả từ năm 1960 đến năm 1984 thu nhập xuất khẩu của Malaysia, sau khi trừ đi phần tăng giá của hàng nhập khẩu, đã tăng 5,7% một năm. Và từ năm 1965 đến

1983 đạt tốc độ tăng trưởng 6,3% một năm (1).

Sử dụng các nguồn tài nguyên sẵn có và dồi dào mà một nước kém phát triển có lợi thế so sánh, hướng về xuất khẩu nhằm tích lũy ngoại tệ cho giai đoạn công nghiệp hóa nền sản xuất đất nước sau này, là con đường dễ chấp nhận nhất đối với quốc gia ấy. Vì các quốc gia kém phát triển thường có cán cân ngân sách thâm hụt triền miên ; nhập nhiều hơn xuất và khả năng được vay vốn từ các tổ chức tài chính quốc tế thường là rất khó.

Tích lũy vốn bằng ngoại tệ từ xuất khẩu nguyên liệu thô và nông sản để có điều kiện trang bị khoa học kỹ thuật, công nghệ, thiết bị tiên tiến, cũng như nhập nguyên liệu cao cấp của nước ngoài để hiện đại hóa nền sản xuất, do đó, là phương sách có tính tất yếu và khoa học. Người ta có thể sống trên một mỏ vàng mà vẫn túng thiếu suốt đời nếu không biết rằng dưới đất có vàng. Không biết dưới đất có vàng, hay biết mà không sử dụng được một cách hiệu quả và năng suất... đều là những hình thức phí phạm tài nguyên. Và phí phạm tài nguyên dưới mọi hình thức là đặc tính căn bản và cũng là nguyên nhân chủ

yếu của một nền kinh tế kém phát triển (2). Nhiều năm qua, có thể nói chúng ta đã phí phạm tài nguyên. Chỉ nói riêng tài nguyên khoáng sản, ta cũng chưa hiểu rõ hết, chưa có hướng khai thác phù hợp, khai thác chưa hiệu quả và mục đích sử dụng cũng chưa đem lại kinh tế cao. Nước ta vốn nằm ở chỗ giao nhau của hai vành đai khoáng sản lớn trên thế giới là vành đai Thái Bình Dương từ rìa phía Đông lục địa châu Á xuống và vành đai Địa Trung Hải từ Nam Âu đến. Trên đất nước ta có hơn 50 loại khoáng sản đủ cả 3 nhóm nhiên liệu - năng lượng, khoáng sản công nghiệp và khoáng sản phi công nghiệp (3). Tiềm năng này là một lợi thế sẵn có rất quan trọng vì nếu được khai thác hợp lý cho xuất khẩu trong giai đoạn đầu, nền kinh tế của nước ta sẽ có đủ vốn ban đầu để cất cánh.

Về nhiên liệu và năng lượng, ta có vỉa than Antraxit Quảng Ninh dài hơn 150 km, trữ lượng hơn 10 tỷ tấn. Nhiều mỏ than khác, trữ lượng trên dưới 10 triệu tấn nằm rải rác khắp nơi như Bắc Thái - Lạng Sơn - Yên Bái - Sơn La - Hòa Bình - Nghệ An - Quảng Nam (Nông Sơn) và than bùn ở rừng U Minh (4). Than ở Bắc Thái là than mỡ để luyện than cốc. Các nơi khác là than nâu. Trữ lượng than nâu tổng cộng hơn 120 tỷ tấn (5). Trữ lượng than bùn tại Đồng bằng sông Cửu Long từ 400 - 500 triệu tấn. Than của nước ta là một mặt hàng xuất khẩu rất quan trọng. Trữ lượng cho phép ta có thể xuất khẩu trong nhiều năm mà vẫn không làm cạn kiệt nguồn nguyên liệu cho công nghiệp hóa sau này. Kinh nghiệm trước ta đã có Malaysia. Từ năm 1955 - 1960, thiếc và cao su là hai mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của nước này, luôn chiếm từ 80 - 85% tổng kim ngạch xuất. Đặc biệt riêng cao su luôn chiếm khoảng 67,11% trên tổng kim ngạch xuất. Liên bang Malaysia đã tích lũy vốn ban đầu bằng chính việc xuất những mặt hàng mà họ có sẵn và lợi thế. Nếu chúng ta khai thác một cách hiệu quả than đá, cũng như tiếp thị tốt thị trường quốc tế cho ngành này và giả sử mỗi năm ta xuất khẩu được từ 5 triệu tấn than trở lên, nguồn ngoại tệ từ than có thể lên đến hàng tỷ USD, là một nguồn tích lũy không nhỏ.

Dầu mỏ là lợi thế ưu đãi thứ hai. Chúng ta ngày càng khai thác thêm nhiều dầu thô (40.000 tấn năm 1987 lên đến 700.000 tấn năm 1988; 1,5 triệu tấn năm 1989; 2,7 triệu tấn năm 1990 và năm 1991 đạt 3,95 triệu tấn. Kế hoạch ta phấn đấu đến năm 1995 khai thác 8 triệu tấn) (5), cũng như phát hiện thêm

nhiều vùng mỏ mới. Khu vực đang được khai thác như vùng mỏ Đại Hùng - Bạch Hổ... hứa hẹn nhiều triển vọng. Chỉ riêng tháng 5 năm 1992, Xí nghiệp liên doanh dầu khí Việt - Xô (Tổng công ty dầu khí Việt Nam) đã khai thác trên 460.000 tấn (6) và tính từ đầu năm đến giữa tháng 5/1992 liên doanh đã khai thác gần 1.900.000 tấn dầu thô (7). Trữ lượng dầu khí, theo những phát hiện đến nay, là 1,5 đến 3 tỷ tấn (8). Xuất khẩu dầu thô là nguồn thu ngoại tệ cực kỳ triển vọng của đất nước. Có khả năng đem về mỗi năm hàng trăm triệu USD.

Nhiên liệu từ quặng phóng xạ cũng là một lợi thế cho chiến lược xuất khẩu. Theo phát hiện ta có nhiều mỏ uranium ở Cao Bằng và Quảng Nam Đà Nẵng.

Mật độ mỏ khoáng sản làm nguyên liệu công nghiệp ở nước ta cũng thuộc loại cao. Sắt có nhiều ở Thái Nguyên - Cao Bằng - thung lũng sông Hồng - Lào Cai - Yên Bái - Nghệ An... Tổng trữ lượng 860 triệu tấn cho phép cung ứng đủ những nhà máy công suất 5 - 6 triệu tấn sắt / năm (8). Nếu ta khai thác có hiệu quả, sắt thô xuất đi cũng là một nguồn thu ngoại tệ hàng trăm triệu USD hàng năm. Quặng Bô-xít trữ lượng 12 tỷ tấn tập trung nhiều ở Tây Nguyên, Đắk Nông - Bảo Lộc (8) - Cao Lạng (như Đồng Đăng - Na Mèo, Tam Lung, Chợ Bái, Văn Mịch...). Mỏ thiếc cũng đã phát hiện được nhiều nơi, dự trữ thăm dò là 86 tỷ tấn tập trung phần lớn ở Tĩnh Túc (Cao Bằng), Sơn Dương (Tâm Đảo) - Quỳ Châu (Nghệ An) - Thường Xuân (Thanh Hóa) - Lâm Đồng - Đại Từ (Bắc Thái) và Quảng Ngãi. Chỉ riêng ở Quảng Ngãi với quy mô khai thác nhỏ và kỹ thuật không cao mà năm 1992 có khả năng xuất khẩu thu về 1.500.000 USD thiếc (9). Thiếc của ta hiện nay chất lượng chưa cao lắm, nhưng giá giao FOB đã là 5.400 USD/PT (giá thế giới đến ngày 17.6.92 là 6.535 - 6.537 USD/ PT thiếc) (10). Sản lượng thiếc của cả nước nếu được khai thác qui mô hơn, khả năng mỗi năm không dưới vạn tấn thiếc xuất khẩu, thu về hàng trăm triệu USD cho tích lũy.

Dự trữ đất hiếm của ta rất lớn, chiếm 17,4% dự trữ của toàn thế giới (chỉ đứng sau Trung Quốc 63,2%) là một nguồn lợi cũng rất quan trọng. (8).

Hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa còn có những mỏ phốt phát thiên nhiên khổng lồ. Đây là nguồn nguyên liệu cho công nghiệp hóa chất và công nghiệp phân bón. Chỉ riêng ở Hoàng Sa, lượng phốt phát lộ thiên đã

hơn 10 triệu tấn (11). Đây là nguồn xuất khẩu rất quan trọng. Những vùng cát trắng ở Khánh Hòa (trữ lượng hơn 12 triệu tấn) - Nam Ô (Quảng Nam Đà Nẵng, trữ lượng hơn 40 triệu tấn) (12) cũng là những nguồn xuất khẩu quan trọng cho phép thu về hàng trăm triệu USD vì giá cát bán hôm nay tại bãi đã được 10 USD/tấn.

Ở đây ta chỉ quan tâm đến những khoáng sản mà trữ lượng khá lớn, có thể xuất khẩu trong nhiều năm không cạn kiệt. Giá trị xuất khẩu cao và khả năng thu ngoại tệ cho tích lũy là nhanh chóng. Vì lý do đó, ta không nhắc đến nhiều loại khoáng sản khác, nằm rải rác rất phong phú trong toàn quốc điển hình như krôm (Thanh Hóa) - mangan (Tốc Tát - Cao Lạng) - titan (Quảng Ninh) - đồng (lưu vực sông Hồng - sông Đà - Bản Xay - Sinh Quyền...) apatit (Lao Cai) - đá vôi (Thanh Hóa - Nghệ An - Hà Tĩnh - Quảng Nam - Hà Tiên)...

Những khoáng sản phi công nghiệp như vàng, đá quý (ruby - saphir), đá hoa cương đã tìm thấy rất nhiều nơi. Vàng ở Việt Nam dưới hình thức sa khoáng có ở khắp nơi. Một phương pháp khai thác công nghiệp hiện đại chắc chắn sẽ đem lại một sản lượng đáng kể hàng tấn/năm. Hội nghị về vàng Đông Nam Á tổ chức tại TP.HCM cuối năm 1991 đã tổng kết nhiều quốc gia như Liên Xô, Indonesia đã có nguồn vốn tích lũy ban đầu từ công nghiệp khai thác và xuất khẩu vàng.

Đá quý cũng là một mặt hàng chiến lược. Ngày nay đá quý được tìm thấy nhiều nơi ở khắp Việt Nam như Hoàng Liên Sơn, Kỳ Sơn (Hòa Bình), Thanh Sơn, Yên Lập, Nghệ An, Lâm Đồng, Thuận Hải, Lục Yên (Yên Bái)... Khả năng nếu liên doanh khai thác, chế biến với nước ngoài để xuất khẩu một cách có kế hoạch, ta hoàn toàn có khả năng thu về hàng tỷ USD mỗi năm riêng cho ngành hàng này.

Xuất khẩu khoáng sản và sản phẩm thô cần bàn không là biện pháp lâu dài, nhưng nó là con đường mà nhiều nước kém phát triển đã và đang phải đi qua vì nó là con đường duy nhất tạo tích lũy nhanh về ngoại tệ cho chiến lược công nghiệp hóa đất nước sau này. Vấn đề quan trọng chỉ có ở chỗ ta khai thác những tài nguyên gì, khai thác như thế nào và bán cho thị trường nào để đạt hiệu quả tối hảo mà không làm cạn kiệt nhanh chóng trữ lượng, gây ảnh hưởng đến kế hoạch phát triển công nghiệp sau này (như tình trạng phá rừng những năm 1983 - 1989). Muốn thế, nhà nước

phải quy hoạch và phân loại hợp lý khoáng sản trên cơ sở hiểu biết rõ trữ lượng từng loại, giá trị trên thị trường, khu vực khách hàng cũng như nắm vững phương pháp khai thác để hạn chế tối đa lãng phí. Nhiều tài nguyên (như cát trắng ở miền Trung chẳng hạn) nếu không khai thác, cũng sẽ bị thiên nhiên tàn phá, làm lãng phí. Vì vậy khai thác cho xuất khẩu để tích lũy ngoại tệ là một chính sách đúng đắn và là vấn đề sống còn không những bây giờ mà cả ở tương lai. Nhà nước phải quản lý và chỉ đạo trực tiếp chiến lược tích lũy vốn bằng xuất khẩu khoáng sản này.

Ba cái lợi của chiến lược xuất khẩu các mặt hàng chủ yếu góp phần làm tăng trưởng là: (a) Thúc đẩy việc sử dụng các yếu tố sản có. (b) Sử dụng rộng rãi các điều kiện thuận lợi và (c) Kết hợp các mặt tác động lẫn nhau (13). Bằng xuất khẩu khoáng sản sơ chế, một nước, ngoài việc tích lũy ngoại tệ còn tạo điều kiện thúc đẩy các ngành sản xuất liên hệ trong nước vốn trước đó không có một cơ hội phát triển nào khác. Đây là mối liên hệ ngược theo thuật ngữ của Hirochman. Như vậy có thể nói, xuất khẩu khoáng sản sơ chế, như trong điều kiện đất nước ta, là một chiến lược tất yếu không những tích lũy vốn để hiện đại hóa nền sản xuất trong nước cho các giai đoạn công nghiệp hóa sau này, mà còn ngay từ giai đoạn đầu tạo điều kiện thúc đẩy toàn diện thông qua hoạt động buôn bán liên hệ, nâng cao được mức sản xuất và tiêu dùng tới hạn.

LVD

- (1) Malcolm Gillis và các giáo sư, *Kinh tế học của sự phát triển*, tập 2, nxb Viện nghiên cứu QLKTW, HN 1990, trang 324.
- (2) Vũ quốc Thúc, Vấn đề kinh tế thiếu mở mang, *Quê hương* số 8, tháng 2.1960, trang 295.
- (3) Tư liệu của tạp chí *Quân đội nhân dân*, bài "Tài nguyên lòng đất", số 10 năm 1978, trang 84 - 88.
- (4) Văn Thái, *Địa lý kinh tế Việt Nam*, Trường Đại học Kinh tế TP.HCM xuất bản, 1992, trang 51.
- (5) Tiến sĩ Lê Khoa, *Hiện tình kinh tế Việt Nam, những viễn ảnh phát triển*, nhà xuất bản TP.HCM 1992, trang 21, 22 và 29.
- (6) *Tin Thông tấn xã Việt Nam*, báo Sài Gòn Giải Phóng thứ bảy ngày 6.6.1992.
- (7) Đức Liên, *Thời báo Kinh tế Sài Gòn*, số 20, trang 10.
- (8) Tiến sĩ Lê Khoa, sdd, 1992, trang 21.
- (9) *Sài Gòn Giải Phóng*, thứ ba ngày 9.6.1992.
- (10) *Tin Thị trường* ngày 17.6.92, trang 7.
- (11) Trúc Hà, Tài nguyên vô giá của quần đảo Hoàng Sa, tạp chí *Chấn Hưng Kinh Tế* số 394 ngày 10.9.1964, trang 9.
- (12) Huỳnh Văn Hoa, "Cát trắng miền Trung, một nguồn lợi chưa khai thác", *Thời báo Kinh tế Sài Gòn*, số 24, trang 14.
- (13) Malcolm Gillis và các giáo sư, sdd, trang 313.